PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385

www.pioneershipbrokers.com.vn

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**. Đây là công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 33/2020

11/08/2020 – 17/08/2020

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này tăng nhẹ lên 1.598 điểm nhưng giao dịch tương đối trầm lắng. Nguyên nhân là thị trường đang chững lại và người Mua đang kỳ vọng vào việc giảm giá thêm ít nữa trong thời gian sắp tới. Phân khúc handysize trẻ, chủ tàu Singapore bán tàu Crystalgate (28.183 dwt đóng 2010 Nhật DD/SS đến hạn 9/2020) với giá không tiết lộ nhưng khả năng tầm khoảng 6,2-6,3 triệu đô la Mỹ nếu so sánh với những tàu chị em trẻ hơn 1 tuổi bán tuần trước, đơn cử như tàu Star Aqua (28.225 dwt, đóng 2011 Nhật) bán với giá 6,7 triệu đô la Mỹ. Ngoài ra, có thông tin chủ tàu Nhật đã chốt tàu Ikan Jubal (33.126 dwt đóng 2012 Nhật DD/SS 3/2022) nhưng giá chưa được tiết lộ.

Ở mảng tàu dầu, tuần qua hai tàu mới đóng là GW Dolphin và GW Forture (55.604 dwt, đóng 2020 Trung Quốc) về tay người Mua CSSC Shipping (chi nhánh Hong Kong) với giá lần lượt là 36,6 triệu đô la Mỹ và gần 34,4 triệu đô la Mỹ. Trong đó, tàu GW Dolphin đóng xong hồi tháng 6 còn tàu GW Forture dự kiến bàn giao đầu tháng 9. Hai bên cũng đồng ý thỏa thuận cho người bán Golden Shipping thuê lại tàu trần 10 năm. Tiếp theo cũng là một thương vụ mua bán tàu mới đóng, xưởng Fujian Mawei của Trung Quốc bán tổng cộng ba tàu (đóng 2019 Trung Quốc, máy chính Wartsila) cho người Mua khác do người đặt đóng ban đầu là Xihe Group đã không thanh toán tiền đóng tàu đúng thời hạn. Nguyên nhân sâu xa là Xihe Group đang phải tái cấu trúc doanh nghiệp do quá trình kinh doanh trước đây có hợp tác thuê tàu với Hin Leong Trading (tập đoàn đang bị điều tra do che giấu khoản thua lỗ hàng trăm triệu đô la Mỹ). Trong số ba tàu, Chang Sheng Fa Shipping mua lại 2 tàu 11k dwt với giá 24 triệu đô la Mỹ, còn tàu 23k dwt về tay người mua Hi Lạp với giá khoảng 25 triệu đô la Mỹ.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Pacific Endurance	2011	Japan	181,458	Greek	18.00	DD passed 04/2020
Jubilant Excellence	2013	Japan	181,415	Undisclosed	24.50	Srubber/BWTS fitted
Chinese Steel Growth	2002	China	175,775	Hong Kong	9.00	
Giovanni Corrado	2020	Japan	81,994	Chinese	30.50	BWTS fitted
Ecomar G.O.	2020	Japan	81,994	Greek	9.50	
Ikan Salmon	2012	Japan	61,380	Undisclosed	13.75	Prompt delivery
Sam Hawk	2013	Korea	57,200	European	10.65	Auction sale
Selinda	2013	China	34,236	German, Nordic Hamburg	8.85	Log-fitted, DD 04/2021, SS 04/2023

Ikan Jubal	2012	Japan	33,126	Undisclosed	Undisclosed	DD/SS 03/2022
Crystalgate	2010	Japan	28,183	Undisclosed	Undisclosed	DD/SS due 09/2020
TANKERS						
Sonagol Kizomba	2001	Korea	159,165	Undisclosed	12.30	
GW Dolphin	2020	China	55,604	CSSC Shipping	36.60	Incl 10 years BB back to Sellers
GW Fortune	2020	China	55,604		34.37	
Fujian Mawei Hull 513-3	2019	China	23,500	Greek	25.00	M/E Wartsila, epoxy phenolic coated
Fujian Mawei Hull 511-4	2019	China	11,000	Chang Sheng Fa Shipping	12.00	Enbloc, M/E Wartsila, epoxy phenolic coated
Fujian Mawei Hull 511-3	2019	China	11,000		12.00	
CONTAINERS						
YM Enhancer	2008	Taiwan	52,773	Undisclosed	8.00	4252 teu, fully cellular, gearless, M/E Wartsila
FSL Eminence	2008	Taiwan	52,773		8.00	4252 teu, fully cellular, gearless, M/E Wartsila
FSL Elixir	2008	Taiwan	51,870		8.00	4252 teu, fully cellular, gearless, M/E Wartsila
As Lauretta	2008	Korea	11,814	Undisclosed	5.00	982 teu, fully cellular, gearless, DD 01/2021, SS 01/2023, German owner
OTHERS						
Avance	2003	Japan	53,677	Bangladeshi	35.00	LPG, 80906 cbm, bss delivery with intermediate survey passed, DD12/2020, SS 01/2023

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 07/08	Ngày 03/07	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	50.00	50.00	0.0	34.5	46.0	54.0
180k dwt	5 tuổi	27.50	27.50	0.0	23.0	30.6	39.0
170k dwt	10 tuổi	20.50	20.00	0.0	12.0	20.6	27.5
150k dwt	15 tuổi	12.50	12.00	0.0	6.5	12.5	16.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	30.00	30.00	0.0	22.5	28.7	32.0
82k dwt	5 tuổi	23.00	23.00	0.0	11.5	19.9	25.0
76k dwt	10 tuổi	13.50	13.00	0.0	7.3	12.5	16.5
74k dwt	15 tuổi	8.50	9.00	-5.6	3.5	8.0	11.5
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	28.00	28.00	0.0	19.0	26.2	30.0
58k dwt	5 tuổi	16.00	16.00	0.0	11.0	16.1	20.5
56k dwt	10 tuổi	11.00	11.50	0.0	6.0	11.6	14.5
52k dwt	15 tuổi	7.00	7.00	0.0	3.5	7.4	10.5
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	21.50	21.50	0.0	17.0	21.6	24.5
37k dwt	5 tuổi	15.00	15.50	-3.2	7.8	13.9	17.5
32k dwt	10 tuổi	8.50	8.50	0.0	6.0	9.2	12.5
28k dwt	15 tuổi	5.50	5.50	0.0	3.5	5.5	8.0

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 07/08	Ngày 03/07	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	93.00	95.00	-2.1	82.0	93.2	106.0
310k dwt	5 tuổi	69.00	70.00	-1.4	60.0	70.4	84.0
250k dwt	10 tuổi	48.00	48.00	0.0	38.0	47.2	59.0
250k dwt	15 tuổi	35.00	35.00	0.0	21.5	30.3	41.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	63.00	65.00	-3.1	54.0	63.8	73.0
150k dwt	5 tuổi	48.00	50.00	-4.0	40.0	49.4	62.0
150k dwt	10 tuổi	34.00	35.00	-2.9	25.0	33.9	44.5
150k dwt	15 tuổi	20.00	21.00	-4.8	16.0	20.1	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	50.00	51.00	-2.0	43.5	50.4	57.0
110k dwt	5 tuổi	37.00	38.00	-2.6	29.5	36.9	47.5
105k dwt	10 tuổi	26.00	27.00	-3.7	18.0	24.5	33.0
105k dwt	15 tuổi	17.50	18.50	-5.4	11.0	14.4	21.0
MR							
52k dwt	Resale	37.00	37.00	0.0	33.0	36.6	40.0
52k dwt	5 tuổi	27.00	27.00	0.0	23.0	26.9	31.0
45k dwt	10 tuổi	18.00	18.00	0.0	14.5	17.9	21.0
45k dwt	15 tuổi	12.00	12.00	0.0	9.0	10.9	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	6,600 dwt	Undisclosed	3	STX SB (Jinhae)	Woolim Shipbuilding	2022	
Tanker	6,060 dwt	Undisclosed	3	Zhejiang Shenzhou, China	Hai Soon Diesel, Singapore	2021	
Tanker	2,999 dwt	Undisclosed	3	Zhejiang Shenzhou, China	Nathalian Co, Thailand	2021	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 07/08	Ngày 03/07	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	47.5	48.0	-1.0	41.8	47.7	54.0
K.sarmax (82.000 dwt)	28.0	30.0	-6.7	24.3	28.8	34.0
P.max (77.000 dwt)	27.0	29.0	-6.9	23.8	27.9	33.0
Ultramax (64.000 dwt)	26.0	28.0	-7.1	22.3	26.8	32.0
Handysize (37.000 dwt)	23.0	24.0	-4.2	19.5	22.8	26.0
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	82.5	82.5	0.0	82.5	83.9	88.5
P.max (5.200 teu)	48.5	48.5	0.0	48.5	50.8	58.5
Sub P.max (2.5000 teu)	27.0	27.0	0.0	27.0	27.9	33.0
Feeder (1.700 teu)	21.5	21.5	0.0	21.5	22.9	27.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 07/08	Ngày 03/07	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	89.0	90.0	-1.1	80.0	89.6	97.0
S.max (170.000 dwt)	59.0	60.0	-1.7	53.0	59.6	65.0
A.max (115.000 dwt)	48.5	49.0	-1.0	43.0	48.9	54.0
LR1 (75.000 dwt)	46.0	46.5	-1.1	42.0	45.5	48.5
MR (56.000 dwt)	34.5	35.0	-1.4	32.5	35.1	36.8
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	185.5	185.5	0.0	184.0	190.4	200.0
LPG LGC (80k cbm)	70.0	70.0	0.0	70.0	72.1	79.0
LPG MGC (55k cbm)	62.0	62.0	0.0	62.0	63.7	68.5
LPG SGC (25k cbm)	40.0	40.0	0.0	40.0	41.5	45.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tiếp nối tuần trước, cước phân khúc **Ultramax** và **Supramax** vẫn tiếp tục khả quan với nhiều báo cáo ghi nhận, trong đó khu vực Địa Trung Hải nhộn nhịp nhất. Chỉ số tăng thêm 786 đô la Mỹ và chốt ở mức 10.194 đô la Mỹ. Glencore chốt tàu LMZ Pluto (56.705 dwt, đóng 2011) giao ngay tại Nam Phi và trả tại Đông Nam Á với giá 12.000 đô la Mỹ cộng thêm 200.000 phí ballast. Tàu Skyfall (63.057 dwt, đóng 2016) giao tại Việt Nam được chốt đi ngay bờ tây Ấn và trả tại Trung Quốc với giá 12.500 đô la Mỹ. Ở mảng thuê tàu ngắn hạn, tàu Meraklis (50.926 dwt, đóng 2001) được chốt giao tại Fujairah đi Biển Đen và trả tại Trung Quốc với giá 11.000 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, tàu La Tonda (61.241 dwt, đóng 2016) được chốt khai thác trong 4-6 tháng với giá 10.500 đô la Mỹ.

Phân khúc **Handy** cũng tăng nhẹ thêm một chút so với tuần trước và chốt ở mức 8.846 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, tàu Orient Trader (33.757 dwt, đóng 2010) được chốt đi từ Biển Đen đến Địa Trung Hải với giá 10.500 đô la Mỹ, tàu hiện đang ở Tuzla. Tàu Ivory Gulf (32.929 dwt, đóng 2009) cập cảng tại Đông Phi, được chốt đi Duyên hải vịnh Mexico của Hoa Kỳ với giá 6.500 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu Zhe Hai 2 (35.104 dwt, đóng 2012) giao tại Kandla, được chốt từ Biển Đỏ đi Hàn Quốc với giá gần 8.000 đô la Mỹ. Ở Mảng thuê định hạn, Norden chốt tàu Lady Demet (30.449 dwt, đóng 2012) nhận tại Haiti khai thác trong vòng 4-6 tháng và trả tại khu vực Đại Tây Dương với giá 9.000 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 33/2020 vừa qua:

RATES/PANAMAX(USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 33	TUẦN 32	Mức thấp nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 33)	Mức cao nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 33)
TRANSATLANTIC RV	20,450	10,160	767	20,450
TCT CONT/F.EAST	27,136	19,473	11,027	27,136
TCT F.EAST/CONT	4,674	3,563	388	4,674
TCT F.EAST RV	14,552	11,381	3,320	14,552
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,306	12,644	3,786	13,306
PACIFIC RV	8,686	8,143	3,771	8,921
TCT CONT/F.EAST	24,921	19,136	9,700	24,921

GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 14/08/2020

	US$/ngày	▼/▲
SUPRAMAX	10,194	▲ 876
SMALL HANDY	6,880	▲ 404

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

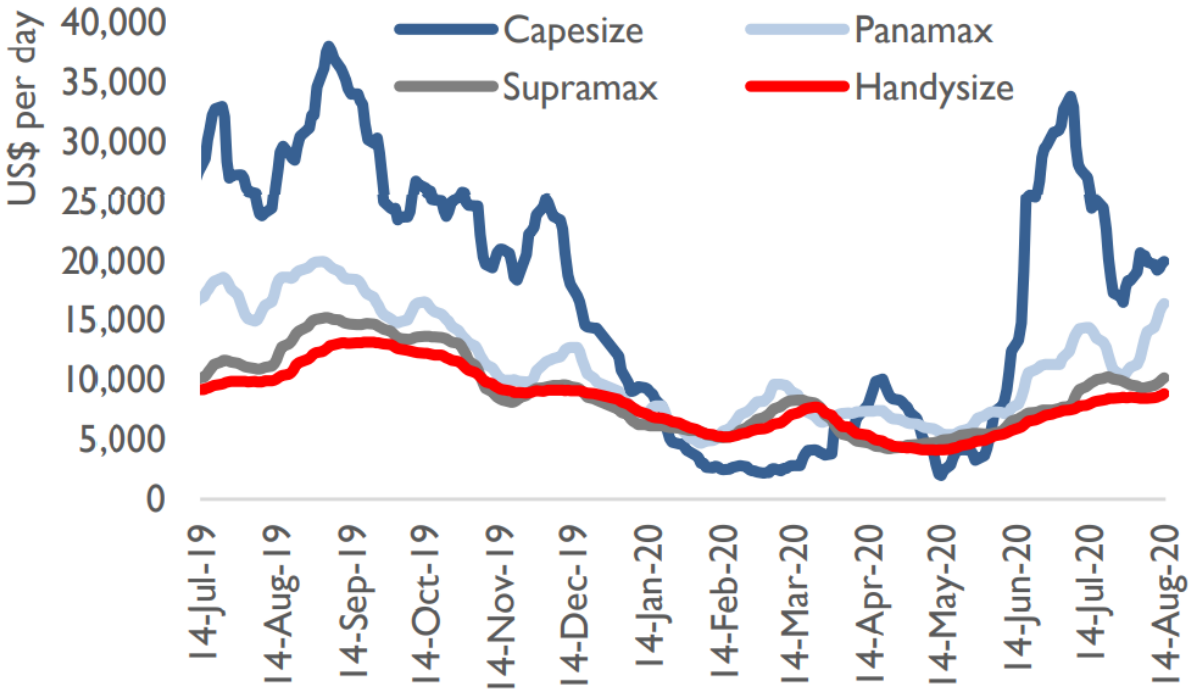

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

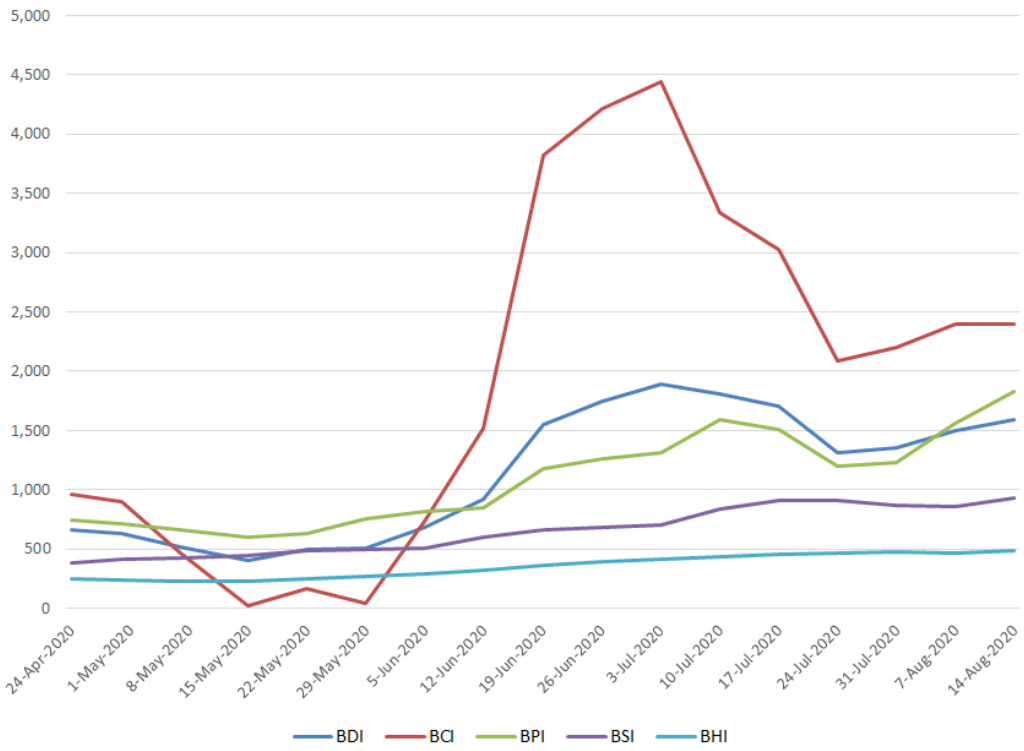

3.2. Thị trường thuê tàu dầu

Ở mảng thuê định hạn, IOC chốt tàu Desh Vaibhav (316.409 dwt, đóng 2005) khai thác trong vòng 2 năm với giá 31.500 đô la Mỹ. UML chốt tàu Nissos Serifos (115.688 dwt, đóng 2020) khai thác trong vòng 3 năm với giá 30.000 đô la Mỹ. PETCO chốt tàu Ionic Artemis (107.605 dwt, đóng 2009) khai thác trong vòng 6 tháng với giá 23.500 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 33			Giá thuê tàu định hạn tuần 32		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	36,000	35,000	38,000	39,000	36,000	38,000
SUEZMAX	26,000	25,500	28,000	29,000	27,000	28,000
AFRAMAX	19,500	22,000	20,500	20,500	22,500	20,500
LR-2	20,500	23,000	22,000	20,000	23,500	22,000
LR-1	15,500	17,000	17,500	15,750	17,000	17,500
MR	13,750	16,000	17,000	13,500	15,500	17,000
HANDY	12,500	14,000	15,000	12,500	13,500	15,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

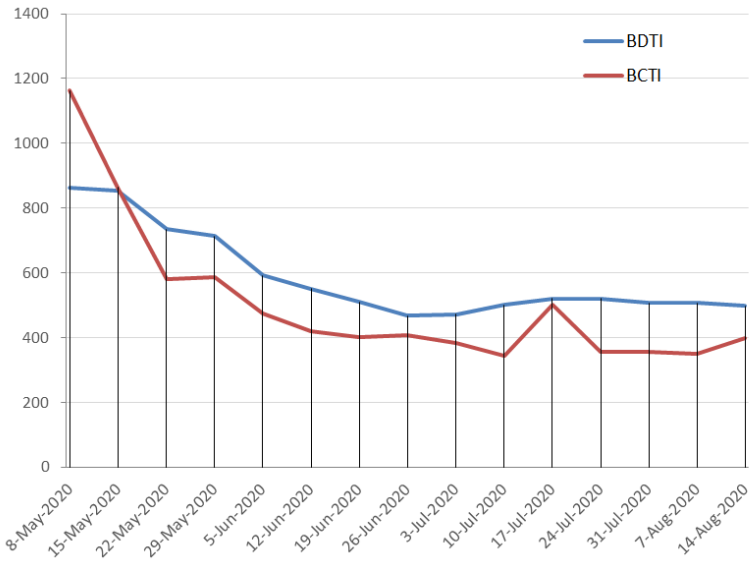

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	310	▲ 10	320	▲ 10
2	Pakistan	330		350	
3	India	320	▲ 5	340	▲ 15
4	Turkey	195	▲ 10	205	▲ 15

(đơn vị tính: usd/lt ldt, 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 33/2020

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US$/lt)	Dwt	Comments
Ore Sub	Bulker	1992	32,664	Pakistan	337.00	285,771	
Singapore Express	Container	2000	20,053	Undisclosed	365.00	66,793	4843 teu, as is HK, intention India for green recycling
Han Feng	MPP	1992	3,693	Bangladesh	315.00	8,117	Bunkers incl

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.